

ÓC EO - PHÙ NAM VỊ THẾ LỊCH SỬ VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ KHU VỰC

Nguyễn Văn Kim^(*)

1. Những chứng tích của một nền Văn hoá biển

Trong tiến trình phát triển lâu dài của lịch sử dân tộc, vùng đất và con người Nam Bộ là một bộ phận hợp thành, gắn bó mật thiết và không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Từ những thế kỷ đầu Công nguyên, trên vùng đất phương Nam đã có sự xuất hiện của một số nền văn hoá cổ. Cùng với văn hoá Đông Sơn ở phía Bắc, văn hoá Sa Huỳnh rồi Chăm-pa ở miền Nam Trung Bộ, văn hoá Óc Eo hình thành ở đồng bằng sông Cửu Long đã tạo dựng nên nền tảng cho sự ra đời của vương quốc Phù Nam. Và rồi, sau những biến thiên của lịch sử, các nền văn hoá đó lại được tích hợp vào dòng chảy chung, thống nhất của văn hoá dân tộc[25].

Hơn một thế kỷ đã trôi qua kể từ khảo cứu đầu tiên về vương quốc Phù Nam của P. Pelliot và 60 năm sau phát hiện quan trọng của L. Malleret về văn hoá Óc Eo, đồng thời với khuynh hướng đi sâu vào việc nghiên cứu và tiếp tục làm sáng tỏ những đặc tính riêng biệt, tiêu biểu của nền văn hoá này, nhiều nhà khoa học đã có những nỗ lực lớn để làm rõ mối liên hệ của văn hoá Óc Eo với các trung tâm văn hoá khác theo quan điểm *Liên ngành* và *Khu vực học*. Trong khi chúng ta vẫn nói đến những nét gần gũi và quan hệ giữa văn hoá Óc Eo với văn hoá Đồng Nai, Sa Huỳnh cùng một số

văn hoá khác trong khu vực thì cũng phải thấy rằng các nền văn hoá đó đều hình thành trên cơ sở *Hệ sinh thái phổ tạp* đặc thù của Đông Nam Á. Bên cạnh đó, nhiều nền văn hoá còn được nuôi dưỡng bởi môi trường kinh tế biển và sự bồi tụ của các dòng sông lớn bắt nguồn từ vùng núi cao phía tây hoặc tây - bắc đổ ra Biển Đông. Do vậy, ngay từ khi mới hình thành, văn hoá Óc Eo đã chia sẻ nhiều giá trị chung với văn hoá khu vực. Nhưng, trong một không gian tự nhiên và xã hội tương đối riêng biệt, nền văn hoá này cũng sớm thể hiện rõ những đặc tính bản địa của mình. Trên phương diện khảo cổ học, chỉ xét riêng đồ gốm cũng đã thấy gốm Óc Eo có những nét tương đồng với gốm Samrong Sen và gốm Sa Huỳnh cũng như hiện vật gốm ở một vài địa điểm khác ở Đông Nam Á trong thời đại đá mới hậu kỳ và thời đại kim khí. “Đó là những đồ gốm có hoa văn khắc chìm, thường là có đáy tròn và có chân đế. Nhưng những điểm gần gũi giữa gốm Óc Eo với gốm Đông Nam Á không hề xoá đi bản sắc riêng của gốm Óc Eo”. Khi đặt trong cả một phức hệ thì vẫn thấy “gốm Óc Eo là một phức hệ riêng biệt có tính chất địa phương rõ rệt” [8, tr. 225].

Với tư cách là một quần thể di tích lớn, các nhà nghiên cứu trong nước, quốc tế đã có nhiều phát hiện quan trọng về văn hoá Óc Eo và vương quốc Phù Nam. Ở Óc Eo đã

^(*) TS, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

tìm được nhiều bằng chứng về di tích cư trú, di tích tôn giáo, nhiều đồ trang sức bằng ngọc, thủy tinh, hàng nghìn mảnh vàng khắc hình thần, thú, người, hoa sen, nhiều hiện vật gốm và đặc biệt là hài cốt với các dạng thức mai táng. Trong các di tích thời kỳ Ôc Eo cũng tìm được nổi nấu kim loại, khuôn đúc, công cụ chế tác, nguyên liệu và vật liệu phế thải... Trong số các di chỉ đã khai quật ví như Gò Cây Tung, Gò Tư Trám (An Giang), Giồng Xoài (Kiên Giang)... các nhà khoa học đã phát hiện được nhiều hiện vật thể hiện khá rõ 3 giai đoạn phát triển cơ bản của văn hoá Ôc Eo, gồm: Thời kỳ Tiền Ôc Eo (*Pre-Ôc Eo*) khoảng thế kỷ II - I TCN; thời kỳ Ôc Eo sớm thế kỷ I - III; và, thời kỳ Ôc Eo phát triển, từ thế kỷ IV đến VI-VII [5]. Một số nhà khoa học còn cho rằng, có một thời đại "Ôc Eo hậu kỳ" kéo dài đến khoảng thế kỷ IX. Tại một số di chỉ thuộc thời Tiền Ôc Eo mà tiêu biểu là Gò Cây Tung các nhà khảo cổ đã tìm được khá nhiều rìu tứ giác và bôn có mỏ. Đó là loại công cụ đá phổ biến ở Malaysia và Java. "Tuy bôn có mỏ kiểu Mã Lai khác bôn có mỏ ở Indonesia nhưng khu vực phân bố của các kiểu bôn có mỏ đã được xác định là vùng phân bố của cư dân nói tiếng Mã Lai - Đa Đảo hay Nam Đảo (*Austronesien*)"[9]. Cùng với những bằng chứng đáng tin cậy về khảo cổ học thì những ghi chép trong các nguồn sử liệu Trung Quốc như *Lương thư* viết về ngôn ngữ của nước Tỳ Kiên (Pekan, nằm trên bán đảo Mã Lai?) cách Phù Nam 8.000 dặm, trong biển lớn nhưng có tiếng nói không khác nhiều so với Phù Nam và *Tấn thư* cũng cho biết Phù Nam có "tang lễ và hôn nhân gần giống Lâm Ấp"[20, 29] đã cung cấp thêm những cơ sở xác thực về chủ nhân văn hoá Ôc Eo - Phù Nam. Như vậy,

tính bản địa của văn hoá Ôc Eo là rất rõ và nó được hình thành trong một quá trình vận động và phát triển lâu dài. Bên cạnh đó, việc phát hiện được các pho tượng Phật, thể hiện tâm thức tôn giáo, tạc bằng gỗ tìm thấy trong tầng văn hoá, với *đặc trưng tiêu biểu là loại tượng đứng*, khiến chúng ta có thêm cơ sở để nghĩ đến một nền nghệ thuật tiểu tượng và một phong cách nghệ thuật Phù Nam[17, tr.58].

Vào những thế kỷ đầu sau Công nguyên, ở Đông Nam Á, cùng với Phù Nam còn có sự xuất hiện của những *Vương quốc biển* như Champa, Srivijaya... Cơ sở kinh tế chủ yếu của các vương quốc này là thương nghiệp nhưng kinh tế nông nghiệp cũng là một thành tố thiết yếu trong quá trình sinh tạo[2]. Thời lập quốc Phù Nam gắn liền với truyền thuyết về một đạo sĩ Ấn Độ(?) có tên Hồn Điển (Kaundinya) đi thuyền đến bờ biển Phù Nam, thể hiện uy lực của mình rồi kết hôn với *Nagi Soma* (Liễu Diệp) con gái của *Naga*, nữ vương người bản địa. Truyền thuyết đó, trước sau, đều thể hiện rất rõ yếu tố nước. Và chính G.Coedès cũng cho rằng: "Có thể vì lẽ đó, Kaundinya và Soma đã được coi là thủy tổ của dòng các vua thống trị Phù Nam"[7].

Khác với một số nền văn hoá sớm của Đông Nam Á thường được kiến dựng trên các triền đất cao, văn hoá Ôc Eo hình thành ngay tại các gò núi hay giồng đất của một không gian rộng lớn nhưng có bình độ thấp, giáp biển. Theo *Tấn thư*, thì Phù Nam "nằm trong một cái eo biển lớn. Đất đai của họ đông, tây, nam, bắc mỗi bề rộng 3.000 dặm"[28]. Vết sò điệp được phát hiện tập trung tại nhiều địa điểm chứng tỏ vị trí cận biển của Ôc Eo. Trong bối cảnh

dó, để vừa hoà hợp vừa đối chọi với môi trường khí hậu ẩm ướt, một bộ phận cư dân đã sinh tụ trong những ngôi nhà dựng ngay trên mặt nước hay sống trên thuyền. Những dấu cọc gỗ được phát hiện có thể là chân cột của nhà sàn, hàng rào bảo vệ hay các dây phố chợ, cầu chợ lập ngay ở ven sông. Không kiến trúc dân gian đó được lợp bằng lá dừa nước có sẵn trong tự nhiên. Ở Óc Eo, ngoài loại cột tròn còn có những cấu kiện kiến trúc hình vuông và chữ nhật có cạnh đến gần 40cm. Một số phần còn được chạm khắc, trang trí [30]. Kích cỡ của những thân cột này khiến chúng ta liên tưởng đến chức năng liên kết, chân đỡ của các công trình kiến trúc có quy mô tương đối lớn.

Cư dân cổ Phù Nam không chỉ là những người mở cửa biển giao lưu văn hoá, mà còn buôn bán trao đổi sản phẩm rộng rãi với nước ngoài. Hơn thế nữa, họ còn thích nghi rất cao với đời sống sông nước trên kênh lạch biển. Là nền văn hoá được hình thành ven biển, dấu vết văn hoá của họ thể hiện rõ đặc tính biển và các mối liên hệ với cư dân Mã Lai - Đa Đảo (*Malayu - Polynesians*). Trong những cống phẩm sang Trung Quốc, cùng với tượng Phật bằng vàng, trầm, gỗ đàn hương... còn có cả tượng san hô, đồi mồi... là loại sản phẩm đặc thù của cư dân đã sớm quen với kỹ thuật khai thác biển. Người Phù Nam cũng thành thạo trong kỹ thuật đóng thuyền đi biển, khai thác hải sản và phát triển kinh tế hải thương. Theo *Nam Tể thư* thì họ đã “đóng thuyền dài tám chín trượng, rộng sáu bảy thước, đầu đuôi giống như con cá”[21]. Việc cư dân Óc Eo nộp cống phú bằng vàng, bạc, mã não và dầu thơm là bằng chứng sinh động về sức phát triển của một nền kinh tế hải thương và vai trò nổi bật của các ngành công, thương nghiệp.

Từ những bằng chứng khảo cổ học đặc biệt là dấu tích văn hoá ta thấy, cùng với hoạt động kinh tế thương mại, người Óc Eo còn thành thạo trong việc xây dựng hệ thống thủy nông để có thể sớm phát triển kinh tế nông nghiệp. Hệ thống kênh rạch hoàn hảo mà các nguồn sử liệu cổ mô tả là bằng chứng sinh động về khả năng trị thủy, hiểu rõ quy luật vận động của tự nhiên của chủ nhân văn hoá Óc Eo - Phù Nam. Quá trình chinh phục thủy triều và khai phá vùng đất ven biển cũng đòi hỏi một truyền thống cùng những kỹ năng hoàn toàn khác biệt với việc trị thủy ven sông của một số quốc gia cổ đại khác. Rõ ràng là, để xây dựng được hệ thống thủy nông lớn ven biển cần phải có một thiết chế chính trị mạnh, năng lực tổ chức cao, có tri thức sâu sắc về tự nhiên để có thể vừa làm thủy lợi, mở mang giao thông vừa bồi đắp thêm những vùng đất cao để mở rộng không gian cư trú. Người Óc Eo vừa canh tác nông nghiệp trồng lúa nổi (*Oryza sativa*) vừa giữ thói quen khai thác lúa trời *Oryza prosativa* và *Oryza nivara*. Bằng phương pháp nghiên cứu gạch mộc để tìm dấu vết các giống lúa cổ, chuyên gia nông học nổi tiếng Watabe Tadaio, Nhật Bản cho rằng, giống lúa tìm thấy trong các viên gạch mộc tại “di chỉ Óc Eo ở Việt Nam là loại cổ nhất, hình dáng hạt tương đối lớn, điều này còn ít thấy ở Đông Nam Á”[31]. Rõ ràng là, nguồn lương thực phong phú là điều kiện cần để chu cấp cho đội ngũ thương nhân, thợ thủ công... những người không sản xuất nông nghiệp, và cả các nhà truyền giáo, thương nhân ngoại quốc thường xuyên sinh sống, qua lại khu thương cảng. Rất nhiều khả năng, cư dân Phù Nam còn trao đổi lương thực với các quốc gia vùng Nam Đảo.

Như vậy, văn hoá Ôc Eo đã hình thành từ khoảng thế kỷ thứ I SCN, là một trong những nền văn hoá xuất hiện sớm và phát triển cao nhất của phức hệ văn hoá Nam Đảo, là tảng nền cho sự hình thành của vương quốc Phù Nam với những đặc tính riêng biệt của môi trường *Văn hoá biển*. Nền văn hoá đó có trước *Chân Lạp* và khác *Chân Lạp* [16, tr.44].

2. Vị thế của một Trung tâm liên thế giới

Từ cách tiếp cận địa - văn hoá, trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa biển và lục địa, nhà nghiên cứu Nhật Bản Sakurai Yumio cho rằng Đông Nam Á đã sớm hình thành những cấu trúc riêng biệt. Như vậy, khoảng trước thế kỷ thứ X, Phù Nam và Srivijaya-Sailendra là những *Trung tâm liên thế giới*, có vị trí nổi bật ở Đông Nam Á, là nơi giao lưu giữa hai thế giới phương Đông và phương Tây đồng thời là trung điểm nối kết của các *Trung tâm liên vùng* với thị trường thế giới [26, tr.41]. Nhưng, trước những tác động và biến thiên của lịch sử, cấu trúc đó luôn biến đổi. Vào thời đại thương mại thế giới (*Commercial Age* 1450-1680, TG) từ các *Trung tâm vùng*, Ayutthaya và Batavia đã sớm vươn lên trở thành *Trung tâm liên thế giới* thay thế vị trí của Srivijaya và trước đó là Phù Nam.

Nằm giữa hai *thế giới* Trung Hoa và Ấn Độ, cùng với sự trưởng thành của những nhân tố nội sinh, Đông Nam Á cũng sớm tiếp nhận nhiều ảnh hưởng của các nền văn minh bên ngoài. Cho đến nay, vẫn chưa thể khẳng định một cách chính xác những người Ấn Độ đầu tiên đến Đông Nam Á thời gian nào nhưng một số nhà nghiên cứu cho rằng vào khoảng thế kỷ thứ II hoặc I TCN họ đã đến đây để tìm kiếm "Các đảo vàng" (*Islands of Gold*) [24].

Với tư cách là một trong những nhà nước đầu tiên xuất hiện ở Đông Nam Á, Phù Nam đã sớm có mối quan hệ mật thiết với các thương nhân và nhà truyền giáo Ấn Độ, Trung Hoa. Mối quan hệ đó không chỉ góp phần củng cố vị thế của Phù Nam với các tiểu quốc khác trong khu vực mà còn mở rộng tầm nhìn của một *Vương quốc biển* ra thế giới.

Đến những thế kỷ đầu Công nguyên, một số tuyến thương mại ở châu Á đã được thiết lập. "Các tuyến thương mại đó đã kết tụ hệ thống trao đổi còn nhiều tách biệt ở Đông Nam Á, đưa chúng hội nhập với mạng lưới rộng lớn khởi đầu từ Tây Âu, qua Địa Trung Hải, vùng vịnh Ba Tư, Biển Đỏ rồi đến Ấn Độ, Đông Nam Á và Trung Quốc" [11]. Lần đầu tiên trong lịch sử, một hệ thống kinh tế thế giới đã được thiết lập. Trong hệ thống đó, Phù Nam đã nổi lên thành một khu vực có trình độ sản xuất và thương mại phát triển nhất ở Đông Nam Á [1]. Đến khoảng thế kỷ thứ III, ảnh hưởng của Phù Nam đã bao trùm khu vực phía bắc "vịnh Thái Lan" và toàn bộ các con đường giao thương giữa châu thổ sông Mê Kông và vùng bán đảo Mã Lai. Và, "Phù Nam không những là một quốc gia giàu có mà còn rất hùng mạnh, người ngoại quốc tụ đến rất đông. Không chỉ có người Ấn và Trung Hoa mà khoảng thế kỷ thứ III còn có những người đi biển từ vùng vịnh Ba Tư thuộc đế chế Sassanid cũng đến Phù Nam" [14, tr.194].

Thời bấy giờ, hoạt động của mạng lưới giao thương quốc tế luôn phải tuân theo quy luật vận động của gió mùa. Từ tháng tư, gió tây nam bắt đầu thổi từ miền Nam Ấn Độ Dương về hướng đông bắc. Theo hướng gió, thuyền buôn từ Địa Trung Hải và vịnh Ba Tư đến Ấn Độ rồi từ Ấn Độ

hàng hoá lại tiếp tục được chuyển đến vùng hạ lưu sông Irrawady và eo Kra. Như vậy, mùa mậu dịch căn bản kết thúc vào tháng sáu. Từ tháng giêng năm sau, gió lại chuyển hướng và thổi từ phía đông bắc về tây nam. Theo đó, thuyền buôn đến Đông Nam Á lại trở về Ấn Độ. Như vậy, những chuyến hải trình dài đôi khi cần phải một vài năm mới hoàn tất. Chính vì thế các bến đỗ an toàn để neo thuyền đợi hàng, đợi mùa gió thuận là hết sức cần thiết trong hoạt động thương mại quốc tế thời cổ đại.

Nhu cầu hàng hoá từ phương Đông đặc biệt là tơ lụa của Trung Quốc và hương liệu Ấn Độ, Đông Nam Á luôn là nhu cầu bức thiết của trung tâm kinh tế Địa Trung Hải. Nhu cầu đó đã là động lực cho sự hình thành tuyến hải thương giữa Ấn Độ với Trung Quốc chảy qua Phù Nam. Những hàng hoá đến và đi từ Phù Nam tới Trung Quốc được trung chuyển qua hệ thống cảng ven biển đến Lâm Ấp. Từ đây, phẩm vật lại tiếp tục được đưa lên phía bắc. Không chỉ là nơi đón nhận hàng, từ khoảng thế kỷ thứ III, thuyền buôn của Phù Nam cũng đã đến mua hàng ở các quần đảo như mua dầu long não ở Padang, vàng từ Borneo và đinh hương từ Maluku...

Trong quan hệ với vùng Tây Nam Á, trước năm 350, thương nhân vùng này chưa thể đi theo hải trình kéo dài khoảng 1.600km vượt qua eo biển Melaka để đến Đông Nam Á. Như vậy, thuyền buôn từ khu vực Nam Âu và Trung Cận Đông trước hết phải đến miền Nam Ấn Độ rồi tiến đến bờ đông vịnh Bengal và dừng lại tại eo Kra, dải đất hẹp nhất của bán đảo Mã Lai. Từ eo biển này, hàng hoá được vận chuyển qua đất liền sau đó lại được chất lên thuyền ở bờ tây của "vịnh Siam" rồi tiếp tục đưa đến các cảng Phù Nam, Đông Nam

Á và Trung Quốc. Nằm ở vị thế đặc địa trên hải trình quốc tế đó, Phù Nam đã có được những điều kiện hết sức thuận lợi cho sự phát triển phồn thịnh. Tuân theo quy luật của gió mùa, hoạt động kinh tế thương mại của Phù Nam luôn diễn ra vào những thời điểm nhất định trong năm. Để đón đợt gió thuận lên phía bắc, thương nhân Ấn Độ và Đông Nam Á thường dừng lại Óc Eo khoảng 5 đến 6 tháng để cất thêm hàng và sửa chữa thuyền. Phù Nam trở thành nơi cung cấp thuyền, thiết bị đi biển cho những hành trình dài ngày trên biển.

Không chỉ tập trung phát triển quan hệ hải thương, Óc Eo còn tự trở thành một trung tâm sản xuất lớn và chắc chắn ở đây đã có sự hình thành của nhiều nghề thủ công, có sự phân công sản xuất rõ rệt. Sự xuất hiện nhiều loại nguyên liệu thô trong các di chỉ là những bằng chứng tin cậy về sức phát triển của các nghề thủ công bản địa. Nhiều loại hiện vật trong văn hoá Óc Eo được chế tác với kỹ thuật tinh xảo, kết hợp hài hoà nhiều thao tác kỹ thuật, nhiều hình trang trí và chất liệu khác nhau như vàng, bạc, đồng, thiếc, thạch anh, kim cương, đá màu. Đó là những nghề thủ công thể hiện trình độ cao nhất, tinh luyện nhất trong văn hoá Óc Eo [15, 30]. Trong đó, đặc biệt là "nghề kim hoàn Óc Eo đã đạt đến độ tuyệt mỹ của sự phối hợp giữa kỹ thuật và nghệ thuật, với đầu óc sáng tạo thật đặc sắc"[22, tr.130]. Phù Nam đã nhập về nhiều loại hàng hoá của thương nhân Đông Nam Á như vàng, đồng, chì, thiếc, đá quý từ bán đảo Mã Lai hoặc của các cư dân vùng cao để cung cấp cho các xưởng chế tác. Tại đây, người ta đã tìm thấy "một kho hạt thủy tinh" nhiều màu sắc và cả loại thủy tinh trong suốt, hết sức quý giá là "bích lưu ly". Chắc hẳn thời bấy giờ, người

Óc Eo còn nhập đá quý từ Ấn Độ, Thái Lan và nguyên liệu thủy tinh thì nhập từ Ấn Độ hoặc khu vực Trung Cận Đông. Các pho sách cổ tiếng Tamil và một số tác phẩm văn học La Mã những thế kỷ đầu sau Công nguyên đã cho biết nhiều thông tin quý giá về một số địa danh vốn là thương cảng cổ phát triển phồn thịnh dọc theo vùng bờ biển Nam Ấn. Trong số đó, cảng Arikamedu gần kề với cảng Pondichery đã sớm trở thành một trung tâm sản xuất các chuỗi hạt, vật phẩm trang trí bằng kim loại, đá quý và cảng này đã đóng vai trò cầu nối giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. “Không nghi ngờ gì nữa một số hiện vật tìm thấy ở Đông Nam Á là từ Arikamedu và các khu vực khác ở dải bờ biển Ấn Độ đưa tới” [12, tr.69].

Trên cơ sở các hiện vật khai quật được, nhiều nhà nghiên cứu đã nói đến một phong cách Phù Nam qua các hiện vật tìm được trong văn hoá Óc Eo. Trên một số phương diện, phong cách đó thể hiện khá rõ những ảnh hưởng từ Ấn Độ. Bên cạnh đó, điều làm chúng ta đặc biệt quan tâm là số di vật tìm được trong văn hoá Óc Eo có nguồn gốc Ấn Độ. Từ 60 năm trước, nhà khảo cổ người Pháp L. Malleret đã rất chú trọng đến sự hiện diện của loại hình hiện vật này xuất lộ tại các di chỉ. Trong khi quan tâm đến những tác động của nhân tố Ấn Độ đến văn hoá Óc Eo và khu vực thì cũng phải thấy rằng các nghệ nhân bản địa đã vừa tiếp thu vừa bản địa hoá kỹ nghệ Ấn đồng thời cũng có những sáng tạo riêng, độc đáo. Theo đó, khi nghiên cứu di sản văn hoá Óc Eo cần có sự phân định giữa ba loại hình hiện vật: 1. Những vật phẩm mang từ Ấn Độ đến; 2. Những vật phẩm kiểu Ấn Độ nhưng được sản xuất tại Óc Eo; và 3. Những vật phẩm chịu ảnh hưởng của

Ấn Độ nhưng đã có phần pha trộn truyền thống địa phương [8, tr.230].

Trong hoạt động kinh tế của Phù Nam, nhiều khả năng, các nghệ nhân người Ấn đã cùng phối hợp chế tác các vật dụng và đồ trang sức với thợ thủ công bản địa. Hơn ai hết họ hiểu công nghệ và nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Hiện nay, ở đền Khlong Thom tỉnh Krabi miền Nam Thái Lan, xưa kia chắc hẳn là thuộc quốc của Phù Nam, vẫn còn lưu giữ một tấm bia đá nhỏ (3cm x 0,7cm) khắc chữ Tamil Brahmi. Nội dung tấm bia có thể đọc là: “*Perumpatan Kal*), có nghĩa là: “Đây là phiến đá thử vàng của *Perumpatan*”. *Perum* có nghĩa là lớn. *Patan* (*pattan*) có nghĩa là thợ kim hoàn. Như vậy, *Penrumpatan* hoặc là một biệt danh hoặc là tên của người thợ kim hoàn có quyền sở hữu phiến đá thử vàng này. Theo GS. Karashima Noburu đây là tấm bia khắc chữ Brahmi đầu tiên có niên đại thế kỷ III hoặc thứ IV được tìm thấy ở Đông Nam Á. Văn bia này cho thấy rõ luồng di cư của các thợ kim hoàn Tamil từ miền Nam Ấn Độ đến khu vực. Vị trí của tấm bia được phát hiện rất nổi tiếng bởi vì cùng với nó còn có một số lượng lớn chuỗi hạt và các hiện vật tương tự cũng được tìm thấy trên cùng khu vực, đó là “Đôi của các chuỗi hạt” (*Khuan Luk Pat*) [12, tr.69].

Trong khi giữa các học giả trong nước, quốc tế còn chưa thực sự đạt được sự thống nhất về hệ tiêu chí chuẩn để phân lập và định diện vòng ảnh hưởng của văn hoá Óc Eo thì tuyệt đại đa số các nhà nghiên cứu đều coi *Óc Eo là nền tảng đồng thời là sự phát triển sớm nhất, tiêu biểu nhất của văn hoá Phù Nam và vương quốc Phù Nam*. Sinh thành từ vị trí chuyển giao giữa hai trung tâm văn minh đồng thời là hai trung tâm kinh tế lớn của châu Á, Óc Eo đã sớm

đạt đến độ phát triển trội vượt và cũng sớm trở thành một nền văn hoá có tầm ảnh hưởng rộng lớn. Các bến cảng được xây dựng, dinh thự, đền đài và kho chứa hàng hoá cho các mùa mậu dịch được dựng lên trên các bến sông... đã khẳng định vị thế của cảng thị Óc Eo trong khu vực.

Là một cảng thị lớn nhất Đông Nam Á đồng thời là thương cảng quốc tế, Óc Eo có đủ những điều kiện cần thiết để trở thành một trung tâm kinh tế, văn hoá lớn với cả một hệ thống bao gồm “những điểm quần cư và đô thị, những trung tâm chính trị - tôn giáo và văn hoá, hải cảng cùng với những điểm sản xuất thủ công - buôn bán và những vùng công nghiệp. Óc Eo được biết đến nay là một trung tâm quan trọng nhất của hệ thống miền tây sông Hậu và cũng có thể nói là lớn nhất khu vực Đông Nam Á”[18, tr.24]. Từ trung tâm này, văn hoá Óc Eo đã lan toả bởi sức sống, sức sáng tạo của nó ra các vương quốc láng giềng. Sức mạnh kinh tế, chính trị của Phù Nam cũng tạo môi trường thuận lợi nhất định cho việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng của nền văn hoá này. Từ miền Tây sông Hậu, văn hoá Óc Eo đã từng bước hội nhập và cùng chia sẻ nhiều đặc tính chung riêng với các nền văn hoá khu vực cũng đang dần hình thành ở Đông Nam Á. Do vậy, trải qua khoảng 7 thế kỷ phát triển, thật khó có thể tìm thấy một *nền* hay một “thời đại văn hoá Óc Eo” có sự đồng nhất cao về niên đại và đặc tính văn hoá trên bình diện khu vực. Theo đó, chúng ta có thể nghĩ đến một *Cảng thị Óc Eo* được hình thành ven biển, một *Văn hoá Óc Eo* có những ảnh hưởng rộng lớn và một *Vương quốc Phù Nam* được kiến dựng trên cơ sở nền văn hoá ấy. Như vậy, hiểu theo nghĩa rộng *Văn hoá Óc Eo* còn là dòng chủ lưu, sự kết tinh giá trị, là tầng nền của *Đế chế Phù Nam*,

một tập hợp gồm các tiểu quốc (*Mandalas*) có cấp độ phát triển và đặc tính văn hoá, tâm thức tôn giáo tương đối khác biệt[23]. Do vậy, mặc dù là một nền văn hoá có ảnh hưởng lớn nhưng “các di chỉ khác không phải có cùng trình độ và khuôn mẫu như Óc Eo. Sẽ không đúng nếu hiểu Phù Nam như một đế quốc có tổ chức thống nhất và chặt chẽ, cũng như sẽ không đúng nếu hiểu văn hoá Phù Nam là sự đúc khuôn mô hình Óc Eo ở những vùng, những thuộc quốc khác nhau”[18, tr.26].

Vai trò kinh tế của Óc Eo rất rõ và nổi bật nhưng cũng cần phải thấy rằng trong suốt gần 7 thế kỷ, Óc Eo tự nó chắc chắn phải có một thiết chế chính trị cần thiết để duy trì, quản lý các hoạt động đô thị, điều hành sản xuất đồng thời thiết lập, mở mang các mối bang giao khu vực, quốc tế. Trong sự phát triển chung đó, con đường lan toả của văn hoá Óc Eo, như nhiều học giả đã chỉ ra, được thực hiện thông qua các hoạt động giao lưu văn hoá và thương mại. Chuyên gia Ấn Độ học hàng đầu thế giới, GS. Nhật Bản Karashima cho rằng: “Di tích Óc Eo nằm ở châu thổ sông Mê Kông (Việt Nam), là một cảng quốc tế nổi tiếng thời cổ đại; nó có nguồn gốc từ đầu Công nguyên. Một số đồng tiền La Mã và gương đồng thời Hán (Trung Quốc) cùng với những chuỗi hạt và các đồ trang sức, các hiện vật tôn giáo khác đã được tìm thấy ở Óc Eo và các khu vực phụ cận vùng châu thổ này. Các hiện vật đó cũng được tìm thấy ở rất nhiều di tích tại Đông Nam Á, đặc biệt là vùng bán đảo Malay và đồng thời cả ở Ấn Độ, nhất là miền Nam Ấn”[12 tr.68-69].

Cùng với các thương nhân Óc Eo, mạng lưới thương mại khu vực đang được hình thành ở Đông Nam Á cũng có vai trò quan

trọng trong việc cung cấp hàng hoá cho thị trường quốc tế. Mỗi quan hệ đó luôn diễn ra trong sự tương tác đa chiều. Trong ý nghĩa đó, các cảng của Phú Nam không chỉ là nơi tụ hội của thương nhân Ấn Độ, Đông Nam Á mà “Chính thương nhân Phú Nam cũng đến Trung Quốc để trao đổi hàng hoá từ Địa Trung Hải, Ấn Độ, Trung Đông và châu Phi” [14, tr.195]. Thương nhân Đông Nam Á, trong đó chắc chắn có vai trò quan trọng của thương nhân Phú Nam, chính là người có công khai mở quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ, phát triển kinh tế khu vực Nam Ấn và có thể họ cũng đã cưỡi thuyền đến Ấn Độ, vùng vịnh Ba Tư và châu Phi để trao đổi hàng hoá hoặc buôn bán.

Trong quan hệ với thị trường quốc tế, thương nhân Phú Nam đã dùng những sản phẩm đặc thù của Đông Nam Á lục địa như trầm (*frankincense*), nhựa trầm (*myrrh*) và các loại hương liệu khác để chế nước hoa và hương để dỗi lấy tơ lụa của Trung Quốc. Chắc chắn Phú Nam đã lưu hành loại tiền riêng sử dụng trong quan hệ thương mại. Các nhà nghiên cứu đã tìm được một số loại tiền được gọi là “tiền Phú Nam” tại các di chỉ ở Đông Nam Á. Trong số đó, tiêu biểu nhất là phát hiện ở hạ lưu sông Mê Nam (Thái Lan) trong tầng văn hoá, một bình gốm có 35 đồng tiền bạc, có đúc nổi hình con ốc tù, hình tia mặt trời, lâu đài, bông sen tức là rất giống với những đồng tiền bạc mà L.Malleret đã tìm được 13 đồng ở ngay Óc Eo.

Ở Óc Eo đã phát hiện được 2 đồng tiền La Mã. Một vật thời Antonius Pius trị vì từ 138-161 và một vật khác thời Marcus Aurelius (161-180). Tại đây, cũng đã tìm được một mảnh gương đồng Trung Quốc thời Đông Hán. Hiện nay, tại nhiều địa điểm ở Đông Nam Á đã tìm thấy các hiện

vật có nguồn gốc từ La Mã. Điển hình trong số đó là chiếc đèn đồng kiểu Alexandrie có cán chạm hình lá cọ và hình 2 con cá heo tìm được ở Pong Tuk tỉnh Kachanaburi, Thái Lan. Theo Ian C. Glover ở U Thong (Thái Lan) cũng đã phát hiện được một đồng tiền đồng thời hoàng đế Victorinus (268-270) hiện được lưu giữ ở Bảo tàng Quốc gia và cả một hiện vật gốm phong cách Ấn - La Mã có niên đại thế kỷ thứ nhất ở Java [10]. Trong những ngày cực thịnh của đế chế La Mã, có khả năng những con đường giao thương trực tiếp với phương Đông đã được thiết lập. Nhưng cũng có thể, những hiện vật có nguồn gốc La Mã đó là do các thương nhân Ba Tư hay Ấn Độ đưa tới. Trong lịch sử, trước khi các con đường giao lưu và thương mại trực tiếp giữa phương Đông và phương Tây được thiết lập vào cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, hoạt động buôn bán quốc tế thường được thực hiện qua vai trò trung gian của một hay nhiều quốc gia.

Năm 1997, trên cơ sở kết quả khảo cứu, nhà khảo cổ người Pháp P.Y.Maguin và cộng sự đã cho rằng khu vực cảng Óc Eo rộng 35 km² và vùng Ba Thê - cánh đồng Óc Eo rộng chừng 500 km². Tuy quy mô đích thực của cảng thị Óc Eo và khu vực Óc Eo vẫn là một vấn đề cần phải tiếp tục khảo cứu và luận bàn nhưng “Phải nói rằng cho đến nay trên toàn Đông Nam Á chưa có diện tích di chỉ rộng đến như thế, số lượng hiện vật phong phú, đa dạng và độc đáo đến như thế, đến mức chỉ một loại hiện vật, một loại hình di chỉ cũng cần đến một chuyên luận nghiên cứu” [16, tr.43]. Các cảng thị được liên kết bằng một hệ thống thuỷ nông, đồng thời là mạng lưới giao lưu thuận lợi. “Óc Eo là một trung tâm công nghiệp và thương mại; địa điểm Óc Eo

có những bằng chứng rõ ràng về những mối quan hệ hàng hải với bờ biển của vịnh Xiêm, Mã Lai, Indônêxia, Ấn Độ, vịnh Ba Tư và một cách trực tiếp hoặc gián tiếp với cả Địa Trung Hải. Cảng này nằm tại nơi mà lúc đó đã là con đường biển lớn giữa Trung Quốc và phương Tây"[4, tr.51].

Trên thực tế, vị thế *Trung tâm liên thế giới* của Phù Nam còn toả rạng trên cả phương diện văn hoá và tôn giáo. Đồng hành và theo chân các thương nhân, các tu sỹ đạo Bà la môn và sư tăng Phật giáo cũng đã đến Phù Nam và một số tiểu quốc khác ở Đông Nam Á. Họ không chỉ là những nhà truyền giáo mà còn tham gia nhiều hoạt động xã hội khác. Như vậy, "Phù Nam là vương quốc truyền bá văn minh Ấn Độ vào Đông Nam Á và có thể coi là Trung tâm liên thế giới đầu tiên của khu vực đồng thời là nơi nối thông mạng lưới riêng vốn có của Đông Nam Á với thế giới bên ngoài"[26, tr.43]. Theo *Lương thư*, năm 539, nhân việc sứ giả Phù Nam đến "cống tề giặc sống và nói trong nước có tóc Phật dài một trượng hai thước". Ngay sau đó, một phái bộ Trung Quốc đã được cử đi theo sứ giả đến Phù Nam để "xin được sưu tập kinh Phật, được đón về Trung Quốc các cao tăng và xin nhận một thánh tích là sợi tóc Phật. Sau đó nhà sư Ấn Độ là Paramatha đã tập hợp mang sang Trung Quốc 240 pho kinh Phật"[20, 19]. Như vậy, đến thế kỷ VI, nhiều khả năng Phù Nam đã trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng và có thể là quan trọng nhất ở Đông Nam Á thời bấy giờ.

Rõ ràng là, vào những thế kỷ đầu sau Công nguyên, trong khi văn minh Trung Hoa còn chưa thực sự có nhiều ảnh hưởng mạnh mẽ đến các quốc gia Đông Nam Á thì văn minh Ấn Độ, với những giá trị và cả sự

gắn gũi về vị trí địa lý, đã có nhiều tác động đối với khu vực. Trong ý nghĩa đó, mặc dù không tán đồng quan điểm của G.Coedès và một số học giả phương Tây về cái gọi là "Các quốc gia Ấn hoá" (*Indianized States*), hay một nhà nước "Đại Ấn" (*Greater India*) dùng sức mạnh chính trị, văn hoá để thiết lập nên những cứ điểm cho quá trình hình thành "Các vùng đất thực dân của Ấn Độ" (*Indian Colonies*)[6] thì chúng ta cũng phải có thái độ thật sự khách quan khi nhìn nhận ảnh hưởng sâu rộng của nền văn minh này đối với quá trình phát triển của các vương quốc cổ Đông Nam Á.

Sự trưởng thành của ngành Đông Nam Á học từ những thập kỷ 60 - 70 của thế kỷ XX, đặc biệt là những phát hiện, đóng góp của chính các học giả Đông Nam Á đã đem lại những nhận thức khách quan và đa diện hơn về đặc tính và diễn trình của lịch sử, văn hoá khu vực. Rõ ràng là, những yếu tố nội sinh được hình thành sớm và liên tục ở Đông Nam Á đã nuôi dưỡng và là cơ sở chính yếu cho sự sinh thành của các quốc gia. Cùng chia sẻ với quan điểm đó, nhà Đông Nam Á học người Anh Kenneth R. Hall cũng cho rằng: "Trên thực tế, những cứ liệu lịch sử không cho thấy bất cứ một bằng chứng nào về cái gọi là thuộc địa Ấn Độ, sự xâm lược của Ấn Độ hay sự thống trị trực tiếp của Ấn Độ. Việc tiếp nhận văn hoá Ấn Độ đã diễn ra một cách tự nguyện ở Đông Nam Á mặc dù một bộ phận của xã hội này, giới quý tộc bản địa, cũng chịu nhiều ảnh hưởng của văn hoá Ấn"[13, tr.44]. Do vậy, như nhận xét của GS. Karashima thì quan điểm của chính các học giả Đông Nam Á về lịch sử khu vực phải "được coi là có bản chất và lành mạnh hơn miễn là nó không đi đến chỗ đối lập

cực đoan"[12, tr.68], tức là phù nhận những ảnh hưởng và giá trị của văn minh Ấn.

3. Phù Nam trước những biến đổi khu vực

Sau khoảng ba thế kỷ phát triển, nắm giữ con đường giao thương huyết mạch nối kết giữa phương Đông với phương Tây từ khoảng thế kỷ thứ IV, vương quốc Phù Nam bắt đầu phải đối diện với những thách thức từ nhiều phía. Sự hình thành của hai trung tâm kinh tế và chính trị là Chân Lạp ở phía trung lưu sông Mê Kông và Srivijaya trên đảo Sumatra đã thực sự tạo nên một *tam giác quyền lực* ở Đông Nam Á. Để bảo vệ và tự khẳng định mình, các vương quốc đồng thời là trung tâm quyền lực mới này đã thực hiện một chiến lược "đa phương hoá" trong quan hệ quốc tế tức là vừa tìm cách duy trì mối liên hệ truyền thống với Phù Nam, thân phục Phù Nam vừa từng bước củng cố thế lực, tranh giành ảnh hưởng với Phù Nam.

Trở lại lịch sử ta thấy, từ đầu thế kỷ thứ III, thời Phạm Sư Man, sau những thắng lợi quân sự, ông đã tự xưng là "Phù Nam đại vương" rồi sai "đóng thuyền to, vượt biển lớn, tấn công và chinh phục được hơn mười nước... mở mang đất đai năm, sáu nghìn dặm"[20]. Chắc hẳn mục tiêu tấn công của Phù Nam là những quốc gia nằm dọc theo bờ "vịnh Thái Lan" và bán đảo Sumatra. Phù Nam chinh phục vùng này để gây ảnh hưởng hoặc chiếm giữ các trung tâm kinh tế đang hình thành dọc theo vùng bán đảo. Theo GS. Nhật Bản Shigeru Ikuta thì: "Các cuộc viễn chinh này không nhằm để khống chế các quốc gia - đô thị mà nhằm để cướp bóc các mặt hàng thương mại cũng như nô lệ, những kẻ không chỉ cần thiết cho công việc gia đình mà còn được coi là mặt hàng buôn

bán"[27]. Tiếp đó, Phù Nam dường như còn tiếp tục mở rộng ảnh hưởng sang một số tiểu quốc khu vực sông Chao Phraya và Irrawady để khai thông và giành quyền chủ động hơn trong các hoạt động kinh tế với Ấn Độ và khu vực Tây Nam Á. Dưới áp lực của Phù Nam, thương nhân của các tiểu quốc đang hình thành ở bán đảo Mã Lai và Sumatra như Ko-ying (phía bắc eo Sunda), bắt đầu vận chuyển hàng hoá đến Phù Nam với tư cách là nước thần thuộc. Theo *Lương thư* thì các nước đó còn phải chịu lệ cống vàng bạc cho Phù Nam. Do khẳng định được uy lực với các thuộc quốc, sức mạnh kinh tế của Phù Nam càng được tăng cường. Đến thế kỷ thứ IV, Phù Nam vẫn là trung tâm thương mại quan trọng nhất của Đông Nam Á. Trung Quốc cần vải bông Ấn Độ, cánh kiến, san hô, đá quý, ngọc, hổ phách, thủy tinh của Ấn Độ và thị trường Tây Á. Ngược lại, thị trường này lại cần tơ lụa, gốm và sản phẩm mỹ nghệ của Trung Quốc. Phù Nam trở thành nơi đón nhận dòng lưu chuyển chính của hệ thống thương mại Đông - Tây và là trung tâm truyền phát văn minh Ấn Độ đến nhiều quốc gia khác trong khu vực.

Ban đầu, cũng giống như Phù Nam, nhìn chung các thương nhân Đông Nam Á cũng chủ yếu tập trung khai thác nguồn tài nguyên tự nhiên để đổi lấy ngoại hoá. Nhưng sau đó, họ bắt đầu chế ra một số sản phẩm thủ công để tham gia vào các hoạt động kinh tế quốc tế. Những phát triển nhất định về kinh tế thương mại đó cùng với việc khai thác đất đai màu mỡ trong các thung lũng trên các đảo lớn ở Java và Sumatra đã nuôi dưỡng nhiều trung tâm chính trị và cảng thị khu vực. Các trung tâm chính trị này hầu hết được hình thành trên các cảng cửa sông, cận

biển. Bằng việc tăng cường sức mạnh kinh tế, Srivijaya một quốc gia đang trỗi dậy trên đảo Sumatra, vừa muốn thiết lập mối liên kết chặt chẽ với cư dân vùng cao, cung cấp hàng hoá cho họ, nhận về các nguồn lâm sản quý đồng thời qua đó thể hiện quyền lực của mình. Các hoạt động kinh tế ngày càng rộng lớn ở Đông Nam Á đã thôi thúc sự trưởng thành của nhiều quốc gia vùng Nam Đảo.

Trong khi đó, từ thế kỷ thứ III - IV, cả Trung Quốc và Ấn Độ đều có nhiều phát triển quan trọng và kỹ thuật hàng hải của người Ấn đã có thể cho phép họ mở rộng mạng lưới hải thương với Đông Nam Á và Trung Quốc. Quan hệ giữa các quốc gia ngày càng trở nên gần gũi hơn. Về phần mình, thương nhân Đông Nam Á sau một thời gian dài trao đổi, cung cấp hàng hoá cho Phù Nam và làm quen với thị trường khu vực cũng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm cần thiết. Họ bắt đầu thực hiện việc trao đổi trực tiếp với Ấn Độ và Trung Quốc. Đến thế kỷ thứ V, cùng với con đường giao thương truyền thống vượt qua eo Kra đến Phù Nam, những người đi biển châu Á do đã thông thạo đường biển hơn, thuyền chở hàng cũng có trọng tải lớn hơn và hoạt động cũng thường xuyên hơn nên con đường hàng hải trực tiếp đến Đông Nam Á và Trung Quốc ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Trong bối cảnh đó, tuyến buôn châu Á theo hải trình vượt qua eo Melaka và Sunda ngày một nhiều. Tuy con đường đó có xa hơn đi qua eo Kra nhưng bù lại nó có thể đem lại nhiều lợi ích kinh tế lớn. Thương nhân Srivijaya và khu vực hiểu được giá trị của những tài nguyên tự nhiên mà họ có trên thương trường quốc tế. Trong số đó long não (*camphor*) khai thác ở phía tây bắc đảo Sumatra với tính

năng đa dạng của nó, các loại gỗ thơm có trữ lượng phong phú ở Timor và hương liệu hảo hạng của vùng Maluku luôn đạt giá trị thương mại rất cao trên thị trường đã cuốn hút các đoàn thuyền buôn.

Do vậy, ngay cả trong những ngày phát triển cực thịnh của Phù Nam, một số cảng bến vùng eo biển Sunda cũng dần nổi lên là những nơi thu gom hàng hoá. Các thương nhân ở đây vừa thường xuyên duy trì quan hệ, cung cấp hàng hoá cho Phù Nam vừa nhập về những sản phẩm từ Ấn Độ, Trung Quốc và vùng Đông Nam Á lục địa. Bên cạnh đó, họ cũng đã bắt đầu thiết lập mối quan hệ trực tiếp với hai trung tâm kinh tế lớn nhất của thế giới phương Đông. Nhưng, “Đến thế kỷ thứ V thì vùng eo biển Maleka trở thành trung tâm thương mại thứ ba ở Đông Nam Á và trung tâm của nó nằm ở phía đông nam Sumatra trở thành điểm trung tâm của hệ thống thương mại Malay bao gồm Borneo, Java, các đảo phía đông cũng như vùng cao và rừng núi bán đảo Malay, cùng các hệ thống sông Chao Phraya và Irrawaddy”[13, tr.21].

Cũng từ thế kỷ thứ IV-V, trên hành trình đến Trung Quốc, thương nhân Mã Lai thường ghé vào một số thương cảng miền Trung Việt Nam và như vậy dần thiết lập nên một hải trình mới từ miền Nam Ấn Độ đi qua eo biển Sunda đến Champa rồi tiến lên phương Bắc. Trên hải trình đó, cảng Sunda trở thành điểm trung chuyển hàng hoá nhộn nhịp. Chính quyền Trung Hoa lập tức dành cho thương nhân Srivijaya và các tiểu quốc vùng Nam Đảo những điều kiện thuận lợi trong buôn bán và xác lập quan hệ bang giao.

Sau khi trung tâm thương mại Đông Nam Á chuyển sang eo biển Sunda và

Melaka, thay vì chỉ đến Phù Nam, nhiều sứ bộ của các thuộc quốc Phù Nam trước đây đã trực tiếp đến triều đình Trung Hoa để thiết lập quan hệ ngoại giao và thương mại. Những ghi chép trong các nguồn sử liệu Trung Hoa cho thấy rõ điều đó. Trước thực trạng đó, một mặt Phù Nam cố gắng duy trì quan hệ bang giao với Trung Quốc mặt khác tìm cách tăng cường hơn nữa trao đổi kinh tế với nước này. Nhưng, Trung Quốc hiểu rõ sự thay đổi trong hoạt động kinh tế giữa các quốc gia khu vực và đã sử dụng sức mạnh của mình để xác lập mối quan hệ chính thức với các nước láng giềng và là thuộc quốc của Phù Nam. Từ đó, thị trường Trung Quốc ngày càng có thêm những nguồn cung cấp hàng giàu tiềm năng của Đông Nam Á Gỗ thơm, trầm, long não, lông thú, tổ yến, vây cá mập, mai rùa, sừng tê giác... chuyển đến Trung Quốc ngày một nhiều. Điều đáng chú ý là, sau khi nhà Tùy (589-618) rồi nhà Đường (618-907) được thiết lập, con đường tơ lụa trên biển nối với Ấn Độ chảy quan eo biển Sunda và Maleka nằm dưới quyền kiểm soát của Srivijaya cũng trở nên nhộn nhịp. Cùng với thị trường Địa Trung Hải truyền thống, từ thế kỷ VII, nhà nước Hồi giáo Arập cũng đã được thiết lập và đang có khuynh hướng bành trướng mạnh mẽ sang phương Đông. Thương nhân Arập cũng rất quan tâm đến thị trường Đông Nam Á, Trung Quốc và bắt đầu tham gia tích cực vào cả hai con đường thương mại trên đất liền và trên biển.

Cũng cần phải thấy rằng, sau khi nhà Hán (206-220) mất quyền lực, từ Trung Quốc đã có một dòng thiên di của Hoa kiều đến Đông Nam Á Họ bắt đầu tham gia trực tiếp vào các hoạt động hải thương trong mạng lưới kinh tế khu vực vốn chủ yếu thuộc về thương nhân bản địa. Sự

thiết lập của các triều đại Tiền Tống (420-479) và Nam Tề (479-502)... ở miền Nam Trung Quốc cũng đã làm tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hoá từ phương Nam và vùng eo Sunda càng có điều kiện phát triển. Để duy trì vị thế của mình, đến thế kỷ thứ VI, vua Phù Nam là Jayavarman (hay Kaundinya Jayavarman, qua đời năm 514), vẫn nhiều lần cử sứ bộ đến Quảng Đông, Trung Quốc. Sau khi vua cha qua đời, Rudravarman nối ngôi và vẫn thi hành chính sách thân thiện với phương Bắc. Trong thời gian từ năm 517-539, ông đã cử một số phái bộ đến triều đình Trung Hoa. Và, sứ bộ năm 539 của Rudravarman có thể là sứ bộ cuối cùng mà Phù Nam cử đến Trung Quốc với tư cách là một quốc gia độc lập.

Khi mạng lưới Phù Nam mở rộng ảnh hưởng về phía nam đến đảo Borneo và vùng đông Indonesia, ở phía tây đảo Java và đông Borneo đã có những *Trung tâm vùng* tương đối phát triển như Taruma (tây Java) và Kutai (đông Borneo). Trong quá trình đó sự ra đời của nhà nước Srivijaya ở Palembang và Jambi thuộc miền nam Sumatra là những thách thức thực sự với vị thế của Phù Nam. Các bia cổ Malay có niên đại thế kỷ thứ VII hiện vẫn còn được bảo tồn Palembang đã viết nhiều về hoạt động của các vua triều đại Srivijaya. Từ trung tâm này, Srivijaya đã dần mở rộng ảnh hưởng đến "vịnh Siam" với các tiểu quốc được hình thành từ cảng biển (*Port Politics*) và Arikamedu để rồi nắm giữ vị trí chi phối của một *Trung tâm liên thế giới mới* với hai đặc trưng căn bản là nói ngôn ngữ Malayu và cùng chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo đại thừa. Vua Srivijaya dường như đã ra sức trấn hưng Phật giáo và lấy đó làm chỗ dựa để mở rộng thế lực chính trị. Tấm bia chữ Phạn nổi tiếng (bia Ligor) có niên đại năm 775 ở

vùng Nakhon-Si-Thammarat đã có những ghi chép rất cụ thể về việc quốc vương Srivijaya cho xây dựng một ngôi đền Phật giáo trong khu vực Chaiya thuộc bán đảo Mã Lai. Do vậy, việc nghiên cứu về Srivijaya không chỉ đem đến cho chúng ta một cái nhìn toàn diện hơn về lịch sử và sự biến đổi cấu trúc chính trị khu vực mà còn hiểu thêm về sự lớn mạnh của vương quốc này trong sự tương tác với Phù Nam, một quốc gia cũng được hình thành trên nền tảng căn bản của môi trường kinh tế biển. Hơn thế nữa, “Nếu như chúng ta không chú ý đến vấn đề Srivijaya/Kadaram/Sanfo-ch'i thì mọi nghiên cứu về hoạt động của các thương nhân miền Nam Ấn Độ ở Đông Nam Á thời cổ trung đại có thể coi là không hoàn chỉnh”[12, tr.73].

Sự xuất hiện của Srivijaya là bước khởi đầu của một trung tâm quyền lực mới ở Đông Nam Á hải đảo và đã từng bước đẩy Phù Nam xuống vị trí thứ yếu rồi đi vào con đường suy tàn. “Việc chuyển vị trí trung tâm từ Phù Nam đến vùng eo Melaka đã biến vùng này từ một trung tâm buôn bán sầm uất xuống *Trung tâm liên vùng* giữa thung lũng Mê Kông với cao nguyên Korat”[26, tr.44]. Trong khi đó, Trung Quốc thông qua việc thiết lập nền thống trị ở An Nam đô hộ phủ một mặt vẫn tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống giao thương trên biển mặt khác cũng tìm cách mở rộng ảnh hưởng về phía tây nam như miền tây Nghệ An và cũng hướng đến vùng cao nguyên Korat.

Sự thay đổi hệ thống thương mại quốc tế đó đã tác động sâu sắc đến cơ sở kinh tế của Phù Nam đặc biệt là thể chế và quyền lực chính trị của vương quốc này. Các thuộc quốc trước đây thấy không còn có thể hoàn toàn dựa vào Phù Nam và tìm kiếm lợi ích kinh tế thông qua mối quan hệ với

quốc gia này nữa. Trong thế suy yếu, Phù Nam cũng không thể duy trì vòng ảnh hưởng như trước với các thuộc quốc. Các đoàn thương thuyền của Phù Nam đi lên phía bắc cũng luôn bị thủy quân Champa chặn đánh và cướp bóc.

Sự suy yếu của Phù Nam đã khiến cho Chân Lạp từ thế kỷ thứ VI mở rộng ảnh hưởng về phía đông nam và từng bước thay thế Phù Nam trong một số hoạt động kinh tế khu vực. Trên cơ sở căn bản của nền kinh tế nông nghiệp, ở khu vực sông Sê Mun và trung lưu Mê Kông, quốc gia Chân Lạp (Bhavapura) cũng đang nổi lên như một cường quốc. Từ vùng cao, Chân Lạp bắt đầu tiến xuống vùng hạ lưu Mê Kông. Tấm bia viết bằng chữ Khmer cổ có niên đại năm 611 tìm thấy ở Angkor Borei (Ta Keo) là minh chứng cho sự thâm nhập của vương quốc này. Trong bối cảnh đó, vị thế kinh tế thương mại quốc tế của Phù Nam ngày càng suy yếu. Để duy trì tiềm lực kinh tế, từ *một quốc gia hướng ngoại*, Phù Nam bắt đầu chuyển sang cái nhìn *hướng nội* tức là duy trì một số ngành sản xuất thủ công, tập trung phát triển nông nghiệp. Những biến đổi xã hội ở Ấn Độ đặc biệt là sự sụp đổ của vương triều Gupta (320-520), một triều đại từng đạt đến độ phát triển thịnh trị và có những liên hệ mật thiết với Phù Nam, cũng là một nhân tố khác nữa đẩy Phù Nam đi vào thế suy yếu. Nhận thấy sự suy vi và khuynh hướng đó của Phù Nam, từ phía tây vương quốc Chân Lạp đã tấn công chinh phục Phù Nam, phá hủy hệ thống thủy nông và ngăn chặn sự phục hồi của hệ thống này. Như vậy, cơ sở kinh tế thứ hai của Phù Nam cũng bị triệt hạ. Do hệ thống thủy nông bị phá hủy, dân cư lưu tán đi các nơi nên nhiều vùng đất mau chóng trở nên hoang hoá.

Trong quá trình đó, cư dân Chân Lạp vốn quen sống trên các thềm đất cao, vẫn tập trung khai phá vùng Tonle Sap rộng lớn và xây dựng trung tâm quyền lực dựa trên nền tảng kinh tế nông nghiệp ở Angkor. Bên cạnh đó, mặc dù chinh phục được Phú Nam nhưng người Chân Lạp cũng không thể sớm thích nghi với môi trường ẩm ướt của vùng sinh thái ven biển nên đã không thể khôi phục lại vị thế của Ôc Eo như trước. Sự chia tách giữa Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp năm 706 cũng khiến cho sức mạnh của vương quốc này bị suy giảm. Trong khi đó, ở phía Nam, Srivijaya (670-1025) đã nổi lên, mở rộng ảnh hưởng đến vùng bán đảo Mã Lai đồng thời gây sức ép trở lại với Phú Nam. Từ một trung tâm hùng mạnh trong tam giác quyền lực Đông Nam Á, vì nhiều lý do,

Phú Nam đã mất đi uy thế của mình. Nhưng, "Phú Nam là đại cường quốc đầu tiên trong lịch sử Đông Nam Á. Giống như Rôm trong lịch sử châu Âu, thanh thế của Phú Nam còn tồn tại rất lâu sau khi nó sụp đổ" [4, tr.64].

Trong khi cần phải có một cái nhìn khoa học và thực tế về vị thế của Phú Nam trong lịch sử thì cũng phải thấy rõ rằng, trải qua hơn 6 thế kỷ, với tư cách là một vương quốc hình thành và phát triển sớm, có nhiều ảnh hưởng sâu sắc, rộng lớn trong khu vực, Ôc Eo - Phú Nam đã tạo dựng nên một môi trường văn hoá và động lực kinh tế, xã hội rất có ý nghĩa cho sự thiết lập một số nhà nước cổ đại ở Đông Nam Á có mức độ tập quyền cao hơn, ý thức tôn giáo mạnh mẽ hơn trong những thế kỷ sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andre Gunder Frank, *ReOrient - Global Economy in the Asian Age*, University of California Press, 1998, p.93.
2. Anthony Reid, *Southeast Asia in the Early Modern Era - Trade, Power and Belief*, Cornell University Press, 1993, tr.70.
3. Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*, Yale University Press, 1988.
4. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.51.
5. Đào Linh Côn, Thành tựu hợp tác giữa Trung tâm Nghiên cứu khảo cổ học, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ với Viện Khảo cổ học, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 5(131), 2004, tr.55-59.
6. G. Coedes, *The Indianized States of Southeast Asia*, University of Hawaii Press, 1964.
7. G.Coedes, *The Making of South East Asia*, University of California Press, 1967, p.57.
8. Hà Văn Tấn, *Ôc Eo - Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh*; trong: *Văn hoá Ôc Eo và các văn hoá cổ ở đồng bằng Cửu Long*, Sở Văn hoá và Thông tin An Giang xuất bản, 1984, tr.225.
9. Hà Văn Tấn, *Phú Nam và Ôc Eo: Ở đâu? Khi nào? Và ai?*, Tuyển tập báo cáo Hội thảo khoa học "Biên giới Tây Nam", Hà Nội, 6-2-1996.
10. Ian C. Glover, *Beads and Bronzes: Archaeological Indicators of Trade between Thailand and the Early Buddhist Civilizations of Northern India*, Asian Trade Routes - Continental and Maritime (Karl R.Haellquist (Ed.), Scandinavian Institute of Asian Studies, Copenhagen, Demark, 1991, p.119.

11. Ian C. Glover, *The Southern Silk Road - Archaeological Evidence of Early Trade between India and Southeast Asia*; in: *The Silk Road - Highways of Culture and Commerce* (Vadime Elisseoff, Ed.) UNESCO Publishing, Oxford, 2000, p.96.
12. Karashima Noburu, Hoạt động thương mại của Ấn Độ ở Đông Nam Á thời cổ trung đại, (Nguyễn Văn Kim dịch), *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (280), 1995, tr.69.
13. Kenneth R. Hall, *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, 1985, p.44.
14. Kenneth R.Hall, *Economic History of Early Southeast Asia*; *The Cambridge History of Southeast Asia*, Vol.I, Cambridge University Press, 1992, p.194.
15. Lê Xuân Diệm, *Về các văn hoá cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long*, trong : Văn hóa Óc Eo và các văn hoá cổ ở đồng bằng Cửu Long, Sở văn hoá và Thông tin An Giang xuất bản, 1984, tr.57.
16. Lương Ninh, Nước Phù Nam - Một thế kỷ nghiên cứu, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (322), 2002, tr.43.
17. Lương Ninh, Pho tượng Phật Nền Chùa và nghệ thuật Phù Nam, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, 1999, tr.58.
18. Lương Ninh Văn hoá Óc Eo và Văn hoá Phù Nam, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3, 1992, tr.24.
19. Lương Ninh, Văn hoá cổ Phù Nam - Văn hoá đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4, 1999, tr.24.
20. *Lương thư*, Quyển 54, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐHQG HN, số 0035.
21. *Nam Tề thư*, quyển 58, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐHQG HN, số ký hiệu LS-TL: 0035.
22. Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường, *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr.130.
23. O.W Wolters, *History, Culture and Region in Southeast Asian Perspectives*, Cornell University, 1999.
24. Paul Wheatley, *Nagara and Commandery - Origins of the Southeast Asian Urban Traditions*, Chicago, 1983.
25. Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam - Một cái nhìn tổng quan*; trong: *Tìm về cội nguồn*, Tập I, NXB Thế giới, Hà Nội, 1998, tr.544.
26. Sakurai Yumio, Thử phác dựng cấu trúc lịch sử của khu vực Đông Nam Á thông qua mối liên hệ giữa biển và lục địa, (GS. TSKH Vũ Minh Giang dịch), *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (25) 1996, tr.41. Trong công trình này, theo quan điểm Khu vực học, tác giả đã phân định cấu trúc lịch sử Đông Nam Á bao gồm: 1. *Trung tâm liên thế giới*, là nơi giao lưu giữa hai thế giới giữa phương Đông và phương Tây đồng thời là nơi gặp gỡ của những trung tâm liên vùng với thị trường thế giới; 2. *Trung tâm liên vùng*, là nơi thu gom và phân phối hàng hoá với chức năng trung chuyển giữa Trung tâm liên thế giới với các vùng; 3. *Trung tâm vùng*, là nơi thu gom và phân phối hàng hoá với chức năng trung chuyển giữa các vùng với các địa phương; và 4. *Trung tâm địa phương*, là cầu nối thu gom hàng hoá với Trung tâm vùng chủ yếu là phục vụ địa phương.
27. Shigeru Ikuta, *Vai trò của các cảng thị ở vùng ven biển Đông Nam Á từ đầu thế kỷ II TCN đến đầu thế kỷ XIX*, trong: *Đô thị cổ Hội An*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội, 1991, tr.249.

28. *Tần thư*, quyển 67, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQGHN, số ký hiệu LS-TL: 0035.
29. *Tần thư*, Quyển 57, Tư liệu Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQGHN, số 0035.
30. Võ Sỹ Khải, *Xã hội Ba Thê - Oc Eo - Mười thế kỷ đầu Công nguyên*, trong: Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, 2004, tr.392, 400.
31. Watabe Tadao, *Con đường lúa gạo*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr.91.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI. HUMAN T XXI, N.1, 2005

OC EO - PHU NAM HISTORICAL POSITION AND REGIONAL RELATIONSHIPS

Dr. Nguyen Van Kim

*Departments of History
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

Being a culture that appeared in an early period of our history in the Cuu Long Delta, in the early centuries AD, Oc Eo Culture achieved a high level of development and had considerable influence on the region. In the special cultural environment of Southeast Asia, Oc Eo Culture emerged showing the characteristics of a culture of coastal area. Located at the crossroads of an international trading communication line, the commercial navigation economy made a great contribution to developing and extending the influences of this culture. It can be asserted that Oc Eo Culture is the earliest, typical development and the foundation of the Phu Nam Culture and the Phu Nam Kingdom.

During the seven centuries, Oc Eo - Phu Nam had really turned into the *inter-world Center*. Phu Nam was not only the biggest trade center of Southeast Asia but also a big producing and religion center. The prosperous development of the kingdom had attracted many traders, handicraftsmen, evangelists from other kingdoms in the region and from distant areas such as India, China, etc ... to the kingdom for residence and participation in many social activities. However, to the VII century, due to internal changes, international economy and political environment, Phu Nam, from a prosperous kingdom, gradually declined and finally was conquered by Chan Lap that used to be the Phu Nam's vassal kingdom. Nonetheless, the influences of Phu Nam still had significant effect on the development of some Southeast Asia countries in the later centuries.